

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/DS-ST

Ngày: 09 – 02 – 2026

V/v “Tranh chấp vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thúy P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp D, xã H, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp D, xã H, tỉnh Cà Mau

(Bà Trần Thúy P1, bà Trần Thanh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn bà Trần Thúy P2 trình bày: Bà có cho bà Trần Thanh T mượn tiền nhiều lần như sau: ngày 05/6/2025 cho bà T mượn 24.500.000 đồng; Ngày 10/6/2025 cho bà T mượn tiếp 25.000.000 đồng. Trước đó ngày 01/6/2025 bà bán quần áo và bà T có mua và nợ bà số tiền 2.650.000 đồng. Tổng số tiền mà bà T nợ bà là 52.150.000 đồng. Khi bà cho bà T mượn tiền thì giữa bà và bà T có làm biên nhận. Biên nhận do bà T tự viết và ký tên. Giữa bà và bà T có thỏa thuận tiền lãi là 5%/tháng. Tuy nhiên bà T không trả cho bà bất cứ khoản tiền lãi nào cho bà. Sau đó bà T có trả cho bà được 7.000.000 đồng là nợ gốc. Tại Tờ cam kết ngày 12/11/2025 thì

bà Trần Thanh T có thừa nhận còn nợ bà số tiền mượn là 43.500.000 đồng. Bà T hứa hẹn sẽ trả tiền cho bà nhưng hai tháng nay đã trả cho bà được tổng số tiền 750.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà có ghi bà T vay tiền bà ngày 05/6/2025 là 25.000.000 đồng là do bà ghi nhầm, thực tế ngày 05/6/2025 bà T vay của bà 24.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bà T nợ bà là 49.500.000 đồng. Bà T đã trả bà được 7.750.000 đồng. Bà T còn nợ lại bà số tiền 41.750.000 đồng.

Đồng thời tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà Trần Thanh T trả cho bà số tiền 45.650.000 đồng. Nay bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bà Trần Thanh T đối với số tiền 3.900.000 đồng. Bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh T trả bà số tiền 41.750.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Thanh T là bị đơn có đơn xin vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/2/2026 bà Trần Thanh T xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật và xin được trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P. về việc yêu cầu bà Trần Thanh T thanh toán số tiền 41.500.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P yêu cầu bà Trần Thanh T trả số tiền 3.900.000 đồng.

- Về án phí: Bà Trần Thanh T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Trần Thúy P khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với bị đơn bà Trần Thanh T cư trú tại ấp D, xã H, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Nguyên đơn bà Trần Thúy P, bị đơn bà Trần Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025 bà Trần Thúy P khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh T trả số tiền 45.650.000 đồng. Bà Trần Thúy P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.900.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thanh T phải thanh toán số tiền gốc là 41.750.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Trần Thúy P xác định bà cho cho bà Trần Thanh T vay tiền hai lần với số tiền 49.500.000 đồng; Bà P đã giao nộp 02 tờ biên nhận nợ và 01 Tờ cam kết ngày 12/11/2025 nội dung “Trần Thanh T còn nợ bà Trần Thúy P số tiền 43.500.000 đồng”, bà Trần Thanh T ký tên và có xác nhận của trưởng ấp Do Thới . Bà Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P. Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/2/2026 bà Trần Thanh T có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định và xin được trả dần số nợ do hoàn cảnh khó khăn.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/12/2025 ông Hồng Văn H - là trưởng ấp D xác định: “Ngày 12/11/2025 bà Trần Thanh T và bà Trần Thúy P có đến gặp ông để ông chứng viết việc bà Trần Thanh T cam kết trả nợ cho bà Trần Thúy P. Tờ cam kết ngày 11/12/2025 là do bà Trần Thanh T ký tên vào và ông có ký tên xác nhận nội dung Tờ cam kết. Thời điểm ký tên vào Tờ cam kết bà Trần Thanh T hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc”. Lời trình bày của bà Trần Thúy P phù hợp với các tài liệu chứng cứ và biên bản xác minh ngày 11/12/2025.

Như vậy có đủ căn cứ xác định bà Trần Thanh T vay số tiền 49.500.000 đồng của bà Trần Thúy P là có xảy ra trên thực tế.

Bà Trần Thúy P xác định bà Trần Thanh T đã trả được một phần nợ gốc là 7.750.000 đồng, do đó bà chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 41.750.000 đồng là có căn cứ. Bà Trần Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P.

[3] Bà Trần Thúy P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thanh T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P đối với bà Trần Thanh T.

Buộc bà Trần Thanh T trả cho bà Trần Thúy P số tiền 41.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy P về việc yêu cầu bà Trần Thanh T trả số tiền 3.900.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.087.500 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghét